

Số: 121 /TTr-SNV

Hung Yên, ngày 18 tháng 02 năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V ĐẾN	Số: 43
	Ngày: 19/1/2019
	Chuyên: Kế hoạch
	Lưu hồ sơ:

**TỜ TRÌNH**

Dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy  
thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị  
về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã

Hợp chuẩn

Kính gửi: Ban Cán Sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 05- CV/BCS ngày 17/01/2019 về việc tham mưu thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

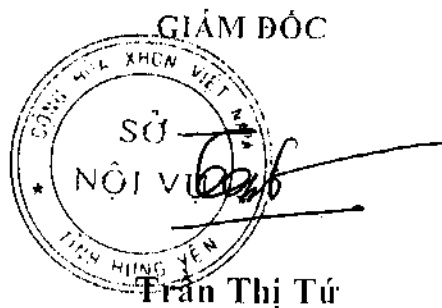
Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã và Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2019-2021; Sở Nội vụ xây dựng Dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Sở Nội vụ xin trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ban hành Kế hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai tổ chức thực hiện (Có dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kèm theo Tờ trình này).

Xin kính trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CVCQDP&CTTN (3).

GIÁM ĐỐC



SỞ  
NỘI VỤ  
TỈNH HUNG YÊN

Trần Thị Tú



Số \*  
-KH/TU

Hung Yên, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH****CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY****Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị  
về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã**

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Nghị quyết số ...../2019/UBTVQH14 ngày / /2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

**I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1- Mục đích**

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt đầy đủ, sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 37-NQ/TW) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu, là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa lâu dài của tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, toàn hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh.

- Nâng cao, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận, thống nhất tư tưởng và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân trong tỉnh, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 37-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW; bảo đảm đúng quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết; đồng thời, bảo đảm phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế, điều kiện cụ thể của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh.

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, trách nhiệm cụ thể và giải pháp phù hợp để cấp ủy Đảng, các Ban đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các cơ quan, đơn vị của tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, thành công mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể, các nhiệm vụ và

giải pháp của Nghị quyết số 37-NQ/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh theo hướng thu gọn lại đầu mối các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, hợp lý gắn với việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi ngân sách nhà nước, tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, cải cách chế độ tiền lương, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

## **2- Yêu cầu**

- Bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp và sự chủ động, tích cực triển khai tổ chức thực hiện của các cơ quan, ban, ngành, địa phương, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, chịu trách nhiệm về quyết định của mình, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch; phát huy vai trò tham gia, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân; coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền; kiên trì vận động, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; bảo đảm không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của nhân dân.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp, các sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án triển khai thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo từng giai đoạn, có trọng tâm, trọng điểm, cách làm, lộ trình phù hợp, chặt chẽ, thận trọng, hiệu quả; nơi đã rõ, có điều kiện thuận lợi thì làm trước; chú trọng cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, cộng đồng dân cư, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

## **II- MỤC TIÊU**

### **1- Mục tiêu tổng quát**

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển của đất nước, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm thu gọn lại đầu mối các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh; bảo đảm tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong tỉnh cơ bản được sắp xếp phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của đất nước.

## **2- Mục tiêu cụ thể**

- Từ nay đến năm 2021, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50% về 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Khuyến khích các địa phương thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định khi bảo đảm các yếu tố thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và được đa số nhân dân đồng thuận.

- Từ năm 2022 đến năm 2030, trên cơ sở tổng kết việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021, xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **III- NỘI DUNG, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

### **1- Nội dung**

Trên cơ sở rà soát, đề xuất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Sở, Ban, Ngành liên quan có trách nhiệm tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50% về 02 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số so với quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

a- Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện: Toàn tỉnh hiện có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 09 huyện và thành phố Hưng Yên). Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện không đạt tiêu chuẩn sẽ xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình sắp xếp trong giai đoạn 2022 - 2030.

b- Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã: Toàn tỉnh hiện có 161 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 145 xã, 09 thị trấn, 07 phường), trong đó:

- Năm 2019: thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập 03 xã chưa đạt 50% về 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định (gồm: xã Đức Thắng thuộc huyện Tiên Lữ; xã Tiên Tiến thuộc huyện Phù Cù; xã Nhân La thuộc huyện Kim Động) với các xã liền kề theo quy định và theo Kế hoạch này.

- Giai đoạn từ năm 2020 - 2030: Xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã còn lại không đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Khi xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% về 02 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số thì không nhất thiết đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp phải đủ về 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định, nhưng phải đạt được một trong các quy định sau:

+ Có một tiêu chuẩn đạt từ 100% trở lên, tiêu chuẩn còn lại phải đạt trên 50% theo quy định.

+ Có một tiêu chuẩn đạt từ 200% trở lên, tiêu chuẩn còn lại phải đạt trên 25% theo quy định.

+ Có một tiêu chuẩn đạt từ 300% theo quy định trở lên.

## **2- Lộ trình thực hiện**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo và các quy định của Trung ương; đồng thời, căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội đảng bộ cấp xã sẽ phải tổ chức xong trước tháng 6/2020; cấp huyện xong trước tháng 8/2020. Vì vậy, việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến năm 2021 phải được thực hiện xong trước tháng 6/2020. Lộ trình thực hiện từ nay đến năm 2021 như sau:

### *a- Năm 2019*

- Rà soát, đề xuất với Trung ương sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định của pháp luật (trong đó có quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã) và hướng dẫn về việc thực hiện chia tách, sáp nhập các đơn vị hành chính; ban hành cơ chế, chính sách đối với những người chịu tác động của việc chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính.

- Căn cứ chương trình, kế hoạch, đề án, quy định của Trung ương và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các huyện thành phố phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng Đề án, báo cáo, tổng hợp các tài liệu, số liệu có liên quan và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quy trình, thủ tục sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh chưa đạt 50% về 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số giai đoạn 2019 - 2021 theo đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp và giải quyết chế độ, chính sách đối với những đối tượng bị tác động do sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính theo quy định.

### *b- Năm 2020 và năm 2021*

- Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% về 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định (xong trước tháng 6/2020).

- Lãnh đạo, chỉ đạo đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp.

- Tiếp tục hoàn thiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp và giải quyết chế độ, chính sách đối với những đối tượng bị tác động do sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

- Tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 -2021.

- Xây dựng quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đạt tiêu chuẩn cho giai đoạn 2022 - 2030.

#### **IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

##### **1- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền**

a- Các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn hệ thống chính trị của tỉnh triển khai tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nghiêm túc, hiệu quả nội dung Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và những việc cần phải làm ngay theo Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Thời gian bắt đầu từ khi ban hành Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho đến khi tiến hành tổng kết việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2021.

c- Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu đề cao trách nhiệm, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp theo quy định là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu.

##### **2- Xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021**

a- Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2021 trình Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b- Xây dựng và thực hiện phương án tiếp nhận, bàn giao, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị tại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp nhất bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

c- Xây dựng và thực hiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính phù hợp và giải quyết chế độ, chính sách đối với những đối tượng bị tác động do sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

d- Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí cho các địa phương trong việc xây dựng đề án và tổ chức thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

### **3- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với những đối tượng bị tác động khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính**

a- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản về sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chế độ, chính sách đối với những đối tượng bị tác động khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm mới các chức danh lãnh đạo, quản lý và tạm dừng việc tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021.

b- Sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và giải quyết chế độ, chính sách cho những đối tượng thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bị tác động do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

c- Xây dựng và ban hành quy định về chức danh, số lượng, chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện theo quy định của Trung ương. Trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo các nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với thực tế. Thực hiện dân chủ, khách quan, minh bạch trong việc rà soát, đánh giá, xếp loại, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các tổ chức trong bộ máy hệ thống chính trị, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại những đơn vị hành chính mới. Quan tâm giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính. Chậm nhất sau 5 năm kể từ khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập, hợp nhất thì biên chế và số lượng cấp phó của các đơn vị hành chính mới bảo đảm đúng theo quy định.

### **4- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, xây dựng chính quyền điện tử; tiếp tục thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp các dịch vụ công, nhất là các dịch vụ công cấp độ 3, cấp độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giải quyết thủ tục hành chính. Tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

### **5- Thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức, công dân**



a- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh có trách nhiệm rà soát các quy định pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý kịp thời hướng dẫn chính quyền địa phương các cấp triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan nhân thân hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

b- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tại những đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp chủ động triển khai, hướng dẫn cho nhân dân thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan nhân thân hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục chuyển đổi do thay đổi đơn vị hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, nhanh chóng, thuận lợi.

#### **6- Tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

Thực hiện tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 theo kế hoạch của Trung ương, làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đạt tiêu chuẩn giai đoạn 2022 - 2030.

### **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Các cấp ủy Đảng, các Ban đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, phổ biến toàn diện, sâu sắc Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện với nội dung, lộ trình thực hiện và nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả; định kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với những khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết có liên quan và giám sát thực hiện.

3- Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tổ chức thực hiện; chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 -

2021 phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của địa phương; bố trí nguồn kinh phí xây dựng, tổ chức thực hiện đề án và giải quyết các chế độ, chính sách cho những đối tượng bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện và giám sát thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình và kết quả thực hiện; kịp thời báo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, xử lý nghiêm những cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chưa có hiệu quả và khen thưởng những cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bảo đảm thực hiện nghiêm yêu cầu của Trung ương và của Tỉnh ủy về vấn đề này; coi đây là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. /.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Đảng đoàn HĐND tỉnh;
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên.
- Lưu: VT.

**Đỗ Tiến Sỹ**

Số: 722/TTr-SNV

Hung Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

Về việc phê duyệt Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 427
ĐẾN	Ngày: 19/12/2018
	Chuyên: Điều chuyển
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Sở Nội vụ nhận được Tờ trình số 870/TTr-SYT và Đề án số 871/ĐA-SYT ngày 28/6/2018 của Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt Đề án chuyển chức năng nhiệm vụ và viên chức y tế học đường của các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về công tác y tế trường học và Nhân viên y tế trường học; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

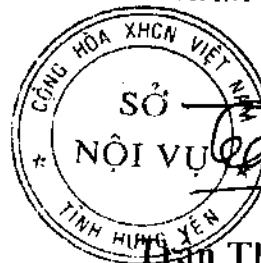
Sau khi thẩm định, Sở Nội vụ xin trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý (có dự thảo Quyết định và Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo).

Xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CVTCBCTCPCP (3).

GIÁM ĐỐC



Đan Thị Tú



Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Y tế: số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày /12/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý” (kèm theo Đề án).

**Điều 2.** Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện Đề án; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch về việc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý; phối hợp với Sở



Nội vụ, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Đề án đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Y tế, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phóng**





## ĐỀ ÁN

**Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh  
và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

### Phần I

#### SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

##### I. Sự cần thiết

Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, trong đó có trẻ em và học sinh chiếm 1/3 dân số là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cần thiết vì thế hệ trẻ hôm nay nếu được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tốt sẽ quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực, nhân tài và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ngày mai.

Trong những năm qua, được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, trong đó ngành y tế là nòng cốt cùng với ngành giáo dục và đào tạo đã có nhiều cố gắng trong việc tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện công tác y tế trường học. Nhờ đó, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em và học sinh trong các trường học đã có những bước cải thiện đáng kể và đã đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, công tác y tế trường học vẫn còn gặp không ít khó khăn do số Nhân viên y tế trường học còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng chưa đáp ứng đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và thuốc men phục vụ công tác dự phòng, phòng bệnh học đường cho học sinh, phòng chống dịch bệnh có nguy cơ lây truyền trong trường học và công tác sơ cứu, cấp cứu cho học sinh trong những trường hợp các em bị ốm hoặc tai nạn thương tích tại trường trước khi chuyển đến bệnh viện còn hạn chế; công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe sâu rộng cho học sinh cũng còn có những hạn chế, bất cập và thiếu tính chủ động, nên công tác y tế trường học chưa đạt được kết quả cao nhất như mong muốn.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); ngày 05/02/2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 24-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 24-CTr/TU) có chỉ đạo: "*Chuyển chức năng, nhiệm vụ và viên chức y tế học đường của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung*

học phổ thông công lập về các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý và đảm nhiệm". Ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 24-CTr/TU (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 37/KH-UBND). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, Ngành liên quan rà soát, xây dựng Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học (mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập) về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý và đảm nhiệm.

Để thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ cụ thể của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 24-CTr/TU và Kế hoạch số 37/KH-UBND thì việc xây dựng Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học (mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập) về các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Trạm Y tế xã) quản lý và đảm nhiệm là cần thiết.

## **II. Cơ sở pháp lý**

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

3. Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

5. Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên.

## **Phần II**

### **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRẠM Y TẾ XÃ VÀ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

## I. Thực trạng tổ chức, hoạt động của các Trạm Y tế xã

### 1. Về mạng lưới và thực trạng tổ chức, hoạt động của các Trạm Y tế xã

Trạm Y tế xã là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống y tế cơ sở, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống y tế Việt Nam, bởi đây là đơn vị kỹ thuật y tế gần dân nhất, phát hiện ra sớm nhất những vấn đề sức khỏe cộng đồng, giải quyết phần lớn khối dịch vụ y tế cơ sở. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đầu tư phát triển hệ thống y tế cơ sở, đặc biệt là y tế tuyến xã, do vậy so với trước đây, mạng lưới y tế tuyến xã đã có những bước phát triển và cải thiện mạnh mẽ, rõ rệt. Thực hiện Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 18/12/2014 của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn, hệ thống các Trạm Y tế xã của tỉnh được kiện toàn, 100% xã, phường, thị trấn của tỉnh đều có Trạm Y tế xã làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân theo quy định. Hiện tại, Sở Y tế là cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo toàn diện về tổ chức, biên chế và hoạt động đối với 162 Trạm Y tế xã/161 xã, phường, thị trấn của tỉnh.

### 2. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Trạm Y tế xã:

Các Trạm Y tế xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

### 3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế của các Trạm Y tế xã

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các Trạm Y tế xã của tỉnh không ngừng được đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện tổ chức bộ máy, đội ngũ viên chức y tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động công tác phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh tuyến cơ sở, cụ thể:

a) Về cơ sở vật chất của các Trạm Y tế xã: Ngân sách tỉnh đã đầu tư cho 92 Trạm Y tế xã với tổng kinh phí 1 tỷ đồng/Trạm Y tế xã.

b) Về trang thiết bị y tế của các Trạm Y tế xã: Năm 2015, ngân sách tỉnh đã đầu tư 27 tỷ đồng cho 108 Trạm Y tế xã với 33 danh mục.

4. Về tiêu chí quốc gia về y tế xã: Tính đến hết năm 2017, toàn tỉnh có 158 xã, phường, thị trấn/161 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 theo quy định tại Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế, đạt tỷ lệ 98,14%.

d) Về số lượng người làm việc của các Trạm Y tế xã: Theo Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng người làm việc năm 2018 trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế, 162 Trạm Y tế xã của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc là 912 người. Tính đến ngày 30/9/2018, 162 Trạm Y tế xã của tỉnh hiện có 852 viên chức (*chi tiết Danh sách viên chức của các Trạm Y tế hiện có mặt có Phụ lục 1 kèm theo*), cụ thể:

Stt	Tên huyện, thành phố	Số lượng người người làm việc được giao năm 2018	Số viên chức hiện có mặt tính đến 30/9/2018	Ghi chú
1	TP. Hưng Yên	87	81	
2	Huyện Tiên Lữ	77	71	
3	Huyện Phù Cù	73	69	
4	Huyện Ân Thi	110	101	
5	Huyện Kim Động	91	89	
6	Huyện Khoái Châu	149	141	
7	Huyện Văn Giang	74	67	
8	Huyện Văn Lâm	75	68	
9	Huyện Mỹ Hào	75	75	
10	Huyện Yên Mỹ	101	90	
	<b>Tổng số:</b>	<b>912</b>	<b>852</b>	

Từ năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 24-CTr/TU và Kế hoạch số 37/KH-UBND về việc chuyển chức năng, nhiệm vụ và viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT công lập về các Trạm Y tế xã quản lý. Trong thời gian thực hiện chuyển đổi, sắp xếp, tổ chức lại công tác y tế trường học, không thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận mới vào làm việc tại các Trạm Y tế xã (trừ trường hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm của các Trạm Y tế xã còn thiếu những chuyên môn y tế cần thiết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao). Dự kiến số viên chức của các Trạm Y tế xã có mặt sẽ cao hơn so với quy định do thực hiện việc tiếp nhận viên chức y tế trường học chuyển về.

#### 4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các Trạm Y tế xã

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Y tế và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, các Trạm Y tế xã cơ bản hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là công tác y tế dự phòng, trong nhiều năm đã không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động của các Trạm Y tế xã còn có những hạn chế; điều kiện bảo đảm cho các hoạt động của các Trạm Y tế xã còn có những khó khăn, thiếu thốn; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các Trạm Y tế xã còn hạn chế do còn thiếu đội ngũ các bác sĩ làm việc tại các Trạm Y tế xã cũng như trình độ chuyên môn, kỹ thuật của đội ngũ thầy thuốc và trang thiết bị y tế của các Trạm Y tế xã còn có những hạn chế; hiện tại người dân có

thé Bảo hiểm y tế chưa được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại các Trạm Y tế xã. Mặt khác, do điều kiện giao thông thuận lợi, nên phần lớn người dân khi có bệnh thường có xu hướng đi lên tuyến trên để khám bệnh, chữa bệnh.

## II. Thực trạng tổ chức và hoạt động của y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập

### 1. Mạng lưới và thực trạng tổ chức, hoạt động của y tế trường học

Tính đến ngày 30/9/2018, tất cả các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở của tỉnh đều triển khai tổ chức thực hiện công tác y tế trường học theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số viên chức y tế trường học hiện có mặt thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hiện có mặt là 490 người, trong đó gồm: 161 viên chức y tế trường mầm non, 165 viên chức y tế trường tiểu học, 164 viên chức y tế trường trung học cơ sở, cụ thể như sau:

Stt	Tên huyện, thành phố	Các trường mầm non		Các trường tiểu học		Các trường THCS	
		Số trường	Số viên chức y tế có mặt	Số trường	Số viên chức y tế có mặt	Số trường	Số viên chức y tế có mặt
1	TP. Hưng Yên	17	15	17	17	18	16
2	Huyện Tiên Lữ	16	15	15	15	16	16
3	Huyện Phù Cừ	15	15	15	13	15	13
4	Huyện Ân Thi	22	21	21	21	22	21
5	Huyện Kim Động	17	17	17	17	18	18
6	Huyện Khoái Châu	26	26	27	27	26	26
7	Huyện Văn Giang	11	11	11	11	12	11
8	Huyện Văn Lâm	12	11	13	13	12	12
9	Huyện Mỹ Hào	14	13	14	13	14	14
10	Huyện Yên Mỹ	17	17	20	18	18	17
	<b>Tổng số:</b>	<b>167</b>	<b>161</b>	<b>170</b>	<b>165</b>	<b>171</b>	<b>164</b>

### 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của y tế trường học và Nhân viên y tế trường học

Công tác y tế trường học và Nhân viên y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập của tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học. Nhân viên y tế trường học của các

trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập của tỉnh ngoài việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo dõi và quản lý sức khỏe cho học sinh, hầu hết đều phải kiêm nhiệm các công việc khác là công tác hành chính, kế toán, văn thư, thủ quỹ. ... của nhà trường.

### 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế trường học

Nhân viên y tế trường học được các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bố trí cơ sở vật chất và cung cấp các trang thiết bị y tế bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ, gồm: Thuốc, tủ thuốc, cân đo chiều cao, máy đo thị lực, máy đo huyết áp, kẹp, kéo y tế và một số thuốc, dụng cụ và trang thiết bị y tế có liên quan phục vụ công tác y tế trường học.

### 4. Số lượng người làm việc

Tổng số Nhân viên y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý đã được tuyển dụng viên chức hiện có mặt là 490 người.

*(Chi tiết Danh sách viên chức của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập hiện có mặt có Phụ lục 2 kèm theo)*

### 5. Đánh giá hiệu quả hoạt động y tế trường học

a) Trong những năm qua, đội ngũ Nhân viên y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Nhân viên y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở còn thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công là công tác hành chính, kế toán, văn thư, thủ quỹ, ... của nhà trường.

b) Hằng năm, đội ngũ Nhân viên y tế trường học được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ y tế trường học theo nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình liên quan đến y tế trường học do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Y tế triển khai tổ chức thực hiện.

## II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Y TẾ TRƯỜNG HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG THPT CÔNG LẬP

### 1. Mạng lưới và thực trạng tổ chức, hoạt động y tế trường học

Tính đến ngày 30/9/2018, toàn tỉnh hiện có 39 Trường THPT bao gồm 26 Trường THPT công lập và 13 Trường THPT ngoài công lập đều triển khai tổ chức thực hiện công tác y tế trường học theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số viên chức y tế trường học của 26 Trường THPT công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo hiện có mặt là 25 người, cụ thể như sau:

Stt	Tên huyện, thành phố	Các Trường THPT		
		Số trường	Số lượng người làm việc được giao	Số viên chức y tế có mặt
1	TP. Hưng Yên	2	2	2

2	Huyện Tiên Lữ	3	3	3
3	Huyện Phù Cù	2	2	2
4	Huyện Ân Thi	3	3	3
5	Huyện Kim Động	3	3	2
6	Huyện Khoái Châu	4	4	4
7	Huyện Văn Giang	2	2	2
8	Huyện Văn Lâm	2	2	2
9	Huyện Mỹ Hào	2	2	2
10	Huyện Yên Mỹ	3	3	3
	<b>Tổng số:</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>25</b>

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của y tế trường học và Nhân viên y tế trường học

Công tác y tế trường học và Nhân viên y tế trường học của các Trường THPT và các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học. Nhân viên y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập của tỉnh ngoài việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo dõi và quản lý sức khỏe cho học sinh, hầu hết đều kiêm nhiệm các công việc khác là công tác hành chính, kế toán, văn thư, thủ quỹ, ... của nhà trường.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế trường học

Nhân viên y tế trường học được các Trường THPT, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh bố trí cơ sở vật chất và cung cấp các trang thiết bị y tế bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ, gồm: Thuốc, tủ thuốc, cân đo chiều cao, máy đo thị lực, máy đo huyết áp, kẹp, kéo y tế và một số thuốc, dụng cụ và trang thiết bị y tế có liên quan phục vụ công tác y tế trường học.

4. Số lượng người làm việc

Tổng số Nhân viên y tế trường học của các Trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã được tuyển dụng viên chức hiện có mặt là 25 người (*Danh sách viên chức của các Trường THPT hiện có mặt có Phụ lục 3 kèm theo*).

**Ghi chú:** Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị chuyển 25 viên chức y tế trường học của các Trường THPT và 02 viên chức y tế trường học của các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh. Tuy nhiên, viên chức y tế trường học của các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh không thuộc đối tượng

điều chuyển theo Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 5. Đánh giá hiệu quả hoạt động y tế trường học

a) Trong những năm qua, đội ngũ Nhân viên y tế trường học của các Trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Nhân viên y tế trường học của các trường Trường THPT còn thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công là công tác hành chính, kế toán, văn thư, thủ quỹ, ... của nhà trường.

b) Hằng năm, đội ngũ Nhân viên y tế trường học được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ y tế trường học theo nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình liên quan đến y tế trường học do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Y tế triển khai tổ chức thực hiện.

Nhìn chung cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế trường học còn nhiều thiếu thốn. Nhân viên y tế trường học còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác do Hiệu trưởng nhà trường phân công nên ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Việc chi trả % bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh còn chậm, nên việc bổ sung thiết bị, cơ sở thuốc phục vụ sơ cấp cứu tại chỗ còn chưa đảm bảo.

## Phần III

### **NỘI DUNG ĐIỀU CHUYỂN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE HỌC SINH VÀ VIÊN CHỨC Y TẾ TRƯỜNG HỌC VỀ TRẠM Y TẾ XÃ**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung**

a) Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về Trạm Y tế xã quản lý, đảm nhiệm nhằm thống nhất một đầu mối quản lý đối với đội ngũ viên chức có trình độ chuyên môn y tế trong toàn tỉnh.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động theo dõi, chăm sóc sức khỏe học sinh, góp phần nâng cao thể trạng cho học sinh trong các trường học.

c) Đáp ứng yêu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất của các đơn vị y tế cơ sở khi triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế học đường.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

Đến hết năm 2018, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và toàn bộ viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT công lập về các Trạm Y tế xã quản lý.

#### **II. Nguyên tắc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã**



1. Việc chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về Trạm Y tế xã quản lý, đảm nhiệm phải bảo đảm nguyên tắc các hoạt động bình thường của các trường học và không làm ảnh hưởng hoạt động đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh trong các trường học.

2. Nâng cao, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận, thống nhất tư tưởng và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân trong tỉnh, nhất là cán bộ chủ chốt của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bố trí, quản lý, sử dụng đội ngũ Nhân viên y tế trường học hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế tại mỗi địa phương gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ viên chức y tế trường học, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý và hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

4. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Trung tâm Y tế huyện, thành phố, các Trạm Y tế xã chủ động phối hợp để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung của Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý; sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ viên chức y tế trường học trong toàn tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và hoạt động hiệu quả.

## **II. Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp**

**1. Công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý**

a) Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu phải coi việc thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII là nhiệm vụ chính trị trọng tâm ưu tiên hàng đầu, là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa lâu dài của tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị và toàn hệ thống chính trị của tỉnh.

b) Các cơ quan thông tin, tuyên truyền cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và nội dung của Đề án điều chuyển

chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý để các cơ quan, tổ chức và người dân hiểu rõ, đồng thuận với chủ trương của tỉnh trong triển khai tổ chức thực hiện.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nội vụ tổ chức hội nghị quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý, đảm nhiệm đến toàn thể cán bộ quản lý, viên chức y tế các trường học thuộc thẩm quyền quản lý; thời gian hoàn thành xong trước ngày 01/02/2019.

## **2. Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã đảm nhiệm**

a) Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý theo nguyên tắc viên chức y tế trường học hiện đang công tác tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn nào thì điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn đó.

b) Sở Y tế có trách nhiệm ban hành quy định bổ sung chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và công tác y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập đối với các Trạm Y tế xã; hướng dẫn các Trạm Y tế xã ban hành Quy chế làm việc, trong đó có quy định cụ thể chức trách, nhiệm vụ của các viên chức của Trạm Y tế xã được giao làm nhiệm vụ công tác y tế trường học và chế độ thường trực làm việc tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học; thời gian hoàn thành xong các nhiệm vụ nêu trên trước ngày 01/02/2019.

## **3. Điều chuyển viên chức y tế trường học trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã**

a) Điều chuyển 515 viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Sở Y tế quản lý (trong đó gồm: 490 viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý; 25 viên chức y tế trường học của các trường trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý).

*(Danh sách viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố điều chuyển về Sở Y tế quản lý theo Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo)*

b) Sở Y tế chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Sở Nội vụ thực hiện việc tiếp nhận và bố trí, phân công công tác đối với viên chức y tế trường học thuộc các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về các Trạm Y tế xã theo nguyên tắc: Viên chức y tế trường học hiện đang công tác tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập trên địa bàn xã, phường, thị trấn nào thì điều chuyển về Trạm Y tế xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn đó làm việc; thời gian hoàn thành xong trước ngày 01/02/2019.

c) Viên chức y tế trường học làm việc tại các Trạm Y tế xã và bộ phận y tế của các nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Sở Y tế đảm bảo các điều kiện về lương, phụ cấp và các điều kiện, phương tiện làm việc cần thiết đối với viên chức y tế trường học khi tiếp nhận về ngành y tế công tác theo qui định; chủ trì phối hợp với hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ viên chức y tế trường học theo quy định.

d) Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối, điều chuyển ngay số biên chế còn thiếu và số biên chế y tế trường học điều chuyển sang; đồng thời, xây dựng kế hoạch và giải pháp bố trí, sắp xếp, cân đối, điều chuyển biên chế và viên chức của các Trạm Y tế xã và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong toàn ngành y tế của tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để giải quyết dứt điểm số viên chức của các Trạm Y tế xã vượt quá số biên chế theo quy định trong thời hạn tối đa 05 năm, kể từ ngày thực hiện việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý; bảo đảm số biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các Trạm Y tế xã theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; thời gian hoàn thành xong trong quý I năm 2023. Trong thời gian thực hiện chuyển đổi, sắp xếp lại, nếu có viên chức của các Trạm Y tế xã nghỉ hưu, tinh giản biên chế, thôi việc hoặc chuyển công tác thì thực hiện cắt giảm và không thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận mới (trừ trường hợp biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của Trạm Y tế xã còn thiếu những chuyên môn y tế cần thiết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao); số biên chế cắt giảm do có viên chức nghỉ hưu, tinh giản biên chế, thôi việc hoặc chuyển công tác được tính vào số biên chế phải thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh.

## **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. Sở Y tế**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Đề án này; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác

chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý; thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2019.

2. Quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh cho các Trạm Y tế xã đảm bảo bao quát các chức năng, nhiệm vụ và các điều kiện cần thiết khác về công tác y tế trường học theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; hướng dẫn các Trạm Y tế xã ban hành Quy chế làm việc, trong đó hướng dẫn cụ thể chức trách, nhiệm vụ của các viên chức của Trạm Y tế xã được giao làm nhiệm vụ công tác y tế trường học và chế độ thường trực làm việc tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

3. Tiếp nhận, quản lý, bố trí viên chức y tế trường học từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về các Trạm Y tế xã và các đơn vị y tế trực thuộc Sở Y tế theo nguyên tắc viên chức y tế hiện đang công tác tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập trên địa bàn xã, phường, thị trấn nào thì điều chuyển về Trạm Y tế xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn đó làm việc.

4. Sau khi tiếp nhận, bố trí viên chức y tế học đường của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về các Trạm Y tế xã, Sở Y tế có giải pháp sắp xếp, cân đối, điều chuyển biên chế, viên chức các Trạm Y tế xã trong toàn ngành y tế; bảo đảm số biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các Trạm Y tế xã theo đúng quy định hiện hành để giải quyết dứt điểm số viên chức thừa của các Trạm Y tế xã vượt quá số biên chế theo quy định sau khi chuyển số viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý; thời gian hoàn thành giải quyết dứt điểm số viên chức vượt quá số biên chế theo quy định của các Trạm Y tế xã trong quý I năm 2023.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn các Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, các Trạm Y tế xã thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe đối với học sinh và quản lý, sử dụng viên chức y tế trường học của các Trạm Y tế xã làm nhiệm vụ y tế trường học tại các trường các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật có liên quan; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ y tế trường học đối với đội ngũ viên chức của các Trạm Y tế xã theo quy định.

6. Hàng năm, tiến hành đánh giá kết quả thực hiện công tác y tế trường học báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở kết quả đạt được, rút kinh nghiệm.

## **II. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan bàn giao chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học

sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường trung học phổ thông công lập về Sở Y tế quản lý và đảm nhiệm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan bàn giao chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập về Sở Y tế quản lý và đảm nhiệm.

Thời gian thực hiện xong trước ngày 01/02/2019.

### **III. Sở Nội vụ**

1. Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường trung học phổ thông công lập về Sở Y tế quản lý và đảm nhiệm.

2. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định điều động viên chức y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Sở Y tế quản lý kể từ ngày 01/02/2019, sau khi các đơn vị hoàn thành việc bàn giao trên cơ sở văn bản đề nghị tiếp nhận của Sở Y tế.

3. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển biên chế y tế trường học của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã giao năm 2018 đưa vào Kế hoạch giao biên chế viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 để giao cho các Trạm Y tế xã.

### **IV. Sở Tài chính**

1. Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường trung học phổ thông công lập về Sở Y tế quản lý và đảm nhiệm.

2. Hướng dẫn Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện bàn giao trang thiết bị, tài chính, tài sản và những vấn đề có liên quan đến công tác y tế trường học về Sở Y tế quản lý; thực hiện cân đối, điều chuyển kinh phí từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan đến công tác y tế trường học và viên chức y tế trường học về Sở Y tế theo quy định.

### **V. Trung tâm Y tế cấp huyện, Trạm Y tế xã**

1. Thực hiện công tác tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường trung học phổ thông công lập về Trạm Y tế xã quản lý.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe đối với học sinh tại các trường các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Giáo dục và Đào tạo, Quy chế làm việc của các Trạm Y tế xã và các quy định của pháp luật có liên quan; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ viên chức y tế trường học theo quy định.

## **VI. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập**

Thực hiện công tác bàn giao chức năng, nhiệm vụ, biên chế, viên chức y tế trường học, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị và những vấn đề có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, viên chức y tế trường học của các trường học về Trạm Y tế xã quản lý.

Trên đây là Đề án điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Trạm Y tế xã quản lý. Đề án “**Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe học sinh và viên chức y tế trường học về Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý**” là căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai tổ chức thực hiện theo đúng Đề án đã được phê duyệt.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Đề án nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phóng**

Số: 100/TT-STTTT

Hung Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

**Việc Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN C.V ĐẾN	Số: 1805
	Ngày: 21/02/2019
	Chuyên: Đ. Chính trị
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

*Đ. Hưng Yên*  
*Ch. Đ. Chính trị*  
*Đ. Văn phòng*  
*Đ. UBND*

Thực hiện Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên. Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thu thập số liệu và tự đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử của các đơn vị. Sau khi thực hiện tổ chức thẩm định lại kết quả tự đánh giá của các đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp, phân tích các kết quả đã đạt được và hạn chế của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã theo từng nhóm tiêu chí theo Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018, đề các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng Chính quyền điện tử, cải thiện chỉ số xếp hạng mức độ chính quyền điện tử trong các năm tiếp theo./.

(Gửi kèm Tờ trình là dự thảo Quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018 ; Báo cáo đánh giá mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018 )

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CNTT



GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Sỹ





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HUNG YÊN

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hung Yên, ngày tháng 5 năm 2018



## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử  
trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày /02/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng Chính quyền điện tử, cải thiện chỉ số xếp hạng mức độ chính quyền điện tử trong các năm tiếp theo

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB ( để đăng tải);
- Lưu: VT, KGVX<sup>Ph</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phóng**



**Phụ lục 01**

**Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp số, ngành**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)

**1. Các đơn vị có cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Tổng điểm 500)**

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT T (50đ)	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (100đ)	Trang web/Cổng thông tin điện tử (100đ)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (100 đ)	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng (UDCNTT (100 đ)	Nhân lực cho ứng dụng CNTT (100đ)	Tổng điểm (500)	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	69,5	60	97,8	90	50	417,30	83,46	Khá
2	Sở Giao thông vận tải	48	81	64	92	75	30	390	78	Khá
3	Sở Thông tin truyền thông	50	78	82,5	40	88	50	388,50	77,7	Khá
4	Ban Quản lý các khu Công nghiệp	40	85,5	79	40	90	50	384,50	76,9	Khá
5	Sở Tài Chính	50	79,14	86,75	0	100	50	365,89	73,178	Khá
6	Sở Y Tế	42	60	72	50	90	50	364	72,8	Khá
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	90	66,5	0	100	50	353,5	70,7	Khá
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	43	83,5	76,5	40	65	45	353	70,6	Khá
9	Sở Tư pháp	50	95	80,5	0	79,5	45	350	70	Khá
10	Sở Nội vụ	50	65	85	0	100	50	350	70	Khá
11	Sở Công thương	48	84	93	0	90	35	350	70	Khá
12	Sở Xây dựng	45	60	81,75	0	90	35	311,75	62,35	TB
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	50	71,5	81	0	50	50	302,5	60,5	TB

14	Sở Lao động, TB&XH	42	61,8	78,5	0	60	35	277,3	55,46	TB
15	Sở Khoa học và Công nghệ	47	68,5	72,5	0	29	35	252	50,4	TB
16	Sở Văn hóa, TT&DL	35	36	56,5	20	68	35	250,5	50,1	TB
17	Thanh tra tỉnh	50	39,2	81	0	30	50	250,2	50,04	TB
<b>Điểm trung bình</b>		<b>46,294</b>	<b>71,038</b>	<b>81,063</b>	<b>23,738</b>	<b>80,90625</b>	<b>46,56</b>	<b>349,601</b>	<b>69,92</b>	

2. Các đơn vị đặc thù không cung cấp dịch vụ công trực tuyến (tổng điểm 400)

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT (50đ)	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (100đ)	Trang/Cổng thông tin điện tử (100đ)	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng UDCNTT(100 đ)	Nhân lực cho ứng dụng CNTT (100đ)	Tổng điểm	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Văn Phòng UBND tỉnh	50	82	79	90	50	351	87,75	Khá
2	Công an tỉnh	46,5	70,5	81	95	42	335	83,75	Khá
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	34,5	51	57	72	38	252,5	63,13	TB
4	Ban Quản lý khu Đại học Phố Hiến	40	87,9	42,25	60	20	250,15	62,5	TB

**Phụ lục 02**

**Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp huyện**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng CNTT (30đ)	Nhân lực CNTT (12đ)	Môi trường chính sách (8đ)	Mức độ hiện diện (40đ)	Mức độ tương tác (35đ)	Mức độ giao dịch (20đ)	Mức độ chuyển đổi (5đ)	Tổng điểm (150)	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	UBND Tp Hưng Yên	26,4	11	6	32	27,8	3,22	0	106,42	70,95	Khá
2	UBND huyện Văn Lâm	25	9,3	6,5	31	27	5,9	0,3	105,00	70	Khá
3	UBND huyện Tiên Lữ	25,5	7,6	6,5	33	24,5	4,72	0	101,82	67,88	Trung bình
4	UBND huyện Yên Mỹ	25,8	7,9	6	22	25,9	3,25	0	90,85	60,57	Trung bình
5	UBND huyện Phù Cù	23,7	6,74	6	22	21,2	2,83	0	82,47	54,98	Trung bình
6	UBND huyện Văn Giang	25,5	7,2	5	15	24,35	3,55	1	81,60	54,4	Trung bình
7	UBND huyện Khoái Châu	25,7	7,5	6	21,2	17,39	2,8	0	80,59	53,73	Trung bình
8	UBND huyện Mỹ Hào	25,73	6,75	5,5	14	23,7	3,72	0	79,40	52,93	Trung bình
9	UBND huyện Ân Thi	25,5	6,8	6,5	16,5	18,7	5	0	79,00	52,67	Trung bình
10	UBND huyện Kim Động	24	7	6,5	17	18,9	3,55	0	76,95	51,3	Trung bình
<b>Điểm trung bình</b>		<b>25,283</b>	<b>7,779</b>	<b>6,05</b>	<b>22,37</b>	<b>22,944</b>	<b>3,854</b>	<b>0,13</b>	<b>88,41</b>	<b>58,94</b>	





**UBND TỈNH HƯNG YÊN**  
**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79 /BC-STTTT

Hung Yên, ngày 5C tháng 01 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà chính tỉnh Hưng Yên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên, Sở Thông tin và Truyền thông sau khi thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cơ quan nhà nước tỉnh, báo cáo UBND tỉnh như sau:

#### **PHẦN I: ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ CẤP SỞ, BAN, NGÀNH**

##### **1. Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin**

Tổng điểm về hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) tin là 50 điểm, điểm trung bình là 46 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

##### **a) Ưu điểm:**

Đa số các các sở, ban, ngành đã đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật CNTT, hệ thống mạng nội bộ (LAN) phục vụ xử lý công việc của cán bộ, công chức. Các tiêu chí đạt như sau:

- Tỷ lệ máy tính kết nối mạng nội bộ và Internet: 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính.

- 100% các sở, ban, ngành có hệ thống mạng nội bộ (LAN) được kết nối với mạng diện rộng của tỉnh để trao đổi thông tin, xử lý công việc; mạng diện rộng (WAN) của tỉnh đã được triển khai trong toàn tỉnh.

- Một số sở, ban, ngành đã bố trí phòng máy chủ riêng đáp ứng tiêu chí phục vụ triển khai các hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường,...)

- Về hạ tầng an toàn thông tin: 100% các sở, ban, ngành đều được trang bị thiết bị an toàn bảo mật cho hệ thống mạng LAN, các máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống virus.

b) Hạn chế: Hệ thống mạng LAN và máy tính của cán bộ, công chức tại một số cơ quan, đơn vị được triển khai xây dựng và trang bị từ lâu, trang thiết bị xuống cấp do đó chưa đảm bảo ổn định, mở rộng triển khai các ứng dụng CNTT

trong giai đoạn hiện nay. Nhiều đơn vị có phòng máy chủ, tuy nhiên vẫn có thiếu chưa đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn báo cháy và hệ thống chống sét.

## **2. Về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan**

Tổng điểm về ứng dụng CNTT là 100 điểm, điểm trung bình là 71 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

### **a) Ưu điểm:**

- Các sở, ban, ngành đã ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) trong công tác chỉ đạo điều hành; sử dụng chứng thư số trong việc gửi, nhận văn bản điện tử và trong các giao dịch điện tử (Bảo hiểm xã hội, Thuế,...) đã được triển khai rộng rãi tại nhiều sở, ngành; tỷ lệ các đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử nội bộ tại nhiều đơn vị đạt trên 85%.

- Nhiều cơ quan, đơn vị đã triển khai các HTTT, CSDL, phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước như: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động -TB&XH, Sở Tư pháp và một số đơn vị khác.

### **b) Hạn chế:**

Còn một số cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử ít; tỷ lệ văn bản điện tử có chữ ký số khi gửi nhận trên môi trường mạng còn thấp; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong công việc tại một số đơn vị chưa cao như: Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Lao động - TB&XH. Chỉ có một số ít các đơn vị có triển khai các phần mềm ứng dụng, CSDL chuyên ngành phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

## **3. Về Công/Trang thông tin điện tử**

Tổng điểm về Công/Trang thông tin điện tử là 100 điểm, điểm trung bình là 81 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

### **a) Ưu điểm:**

- Về cơ bản trang/công thông tin điện tử của các đơn vị đăng tải đầy đủ, chi tiết các thông tin về chỉ đạo điều hành, tin tức, sự kiện và thông tin tuyên truyền thuộc lĩnh vực, ngành quản lý, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được cập nhật đều đặn hàng tháng, hàng quý theo các quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Một số đơn vị có trang/công thông tin điện tử khá tốt như: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài Chính, Sở Công Thương, Sở Nội vụ.

- Các dịch vụ công trực tuyến mức 1, 2 được cung cấp cơ bản đầy đủ trên các trang/công thông tin điện tử của đơn vị và trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Nhiều cơ quan, đơn vị đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 phục vụ



người dân và doanh nghiệp như: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường,...

b) Hạn chế:

- Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, các chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học ít được đăng tải, cập nhật trên các trang/cổng thông tin điện tử.

- Các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị chưa có các chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

#### 4. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Tổng điểm về cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 100 điểm, điểm trung bình là 24 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

a) Ưu điểm:

Đa số các cơ quan, đơn vị có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên hệ thống thông tin một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và trên các hệ thống dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, ngành trung ương triển khai cho địa phương. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 868 thủ tục

b) Hạn chế:

Các sở, ban, ngành đã quan tâm và cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được thuận lợi và nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, số lượng hồ sơ trực tuyến mức 3 và 4 được tiếp nhận và giải quyết qua mạng còn đạt tỷ lệ rất thấp so với số lượng hồ sơ được tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị. Hiện nay, mới có một số đơn vị có phát sinh và giải quyết hồ sơ trực tuyến như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Ban quản lý các khu CN, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế.

Ngoài ra, một số đơn vị như: Văn phòng UBND tỉnh; Ban quản lý khu đại học Phó Hiến do đặc thù nhiệm vụ chưa có bộ thủ tục hành chính.

#### 5. Về cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin (điểm trung bình: 76/100 điểm)

Tổng điểm về cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT là 100 điểm, điểm trung bình là 76 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

a) Ưu điểm

Các đơn vị đều đã ban hành các cơ chế, chính sách, các quy định trong việc ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị mình như: Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm, ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm đẩy mạnh, phát triển ứng dụng CNTT, các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của cơ quan đơn vị mình,....

b) Hạn chế

Công tác tổ chức thực hiện vẫn chưa đạt kết quả cao như tổ chức sử dụng thư điện tử công vụ; cập nhật thông tin trên trang/cổng thông tin điện tử còn

chậm, chưa đầy đủ, chưa chủ động hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công mức độ 3, 4.

#### **6. Về nhân lực cho ứng dụng CNTT (điểm trung bình: 42/50 điểm)**

Tổng điểm về nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT là 100 điểm, điểm trung bình là 42 điểm. Nhận xét về ưu điểm và hạn chế như sau:

##### **a) Ưu điểm:**

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đa số cán bộ làm chuyên trách về CNTT tại các đơn vị đều có trình độ đại học trở lên. Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc tại các cơ quan đơn vị đạt tỷ lệ cao. Các cơ quan, đơn vị đã có nhiều chương trình tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tin học cho cán bộ tại cơ quan mình và tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do các sở, ngành tổ chức hàng năm.

##### **b) Hạn chế:**

Còn một số đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT trong biên chế hoặc mới bố trí là cán bộ kiêm nhiệm về CNTT và không có văn bằng, chứng chỉ, trình độ đại học chuyên ngành về CNTT phù hợp với vị trí công việc như: Sở Tư pháp; Sở Lao động - Thương binh- Xã hội; Sở Công thương, Sở Xây dựng.

*(Chi tiết đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử cấp sở, ban, ngành tại Phụ lục 01 kèm theo)*

## **PHẦN II: ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ CẤP HUYỆN**

### **I. Đánh giá điều kiện sẵn sàng Chính quyền điện tử**

#### **1. Tiêu chí về cơ sở hạ tầng CNTT (điểm trung bình 25/30)**

##### **a) Kết quả đạt được:**

Hạ tầng CNTT của UBND cấp huyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT). Một số tiêu chí cơ bản đạt được như sau: Hệ thống mạng nội bộ (LAN) hoạt động tốt và được kết nối internet, kết nối mạng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, phục vụ tốt việc trao đổi thông tin, xử lý công việc; Tỷ lệ máy tính được trang bị cho cán bộ, công chức để phục vụ công việc đạt 100%. Thiết bị bảo mật cho mạng LAN đã được lắp đặt và hoạt động tốt. Phòng họp trực tuyến được đầu tư và luôn đảm bảo sẵn sàng phục vụ họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa đã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như trang thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng,... phục vụ tốt việc tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước. Tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại di động, sử dụng mạng internet, sử dụng truy cập internet qua mạng di động cao.

##### **b) Hạn chế:**

Tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông chưa cao, do đó việc tiếp cận với ứng dụng CNTT của người dân còn thấp. Một

số huyện về hạ tầng CNTT và viễn thông tại địa phương tốt như: Văn Lâm; Văn Giang..

## 2. Tiêu chí về nhân lực công nghệ thông tin (*điểm trung bình: 8/12 điểm*)

### a) Kết quả đạt được:

- Nguồn nhân lực CNTT của UBND các huyện, thành phố về cơ bản đáp ứng được các yêu cầu theo các tiêu chí về nhân lực CNTT. Một số tiêu chí cơ bản đạt được như sau: UBND các huyện đã bố trí được một đến hai cán bộ, công chức chuyên trách có trình độ cao đẳng trở lên phụ trách ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, các cán bộ chuyên trách hàng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn theo các quy định của nhà nước;

- Nguồn nhân lực ngoài xã hội: 100% trường THPT đã đưa môn tin học vào giảng dạy bắt buộc; đạt 80% các trường THCS, 35% các trường tiểu học đã đưa vào giảng dạy cho học sinh môn tin học.

### b) Hạn chế:

Một số tiêu chí có điểm còn chưa cao như: tiêu chí cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã; tiêu chí được đào tạo đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức; tỷ lệ trường tiểu học dạy môn tin học. Nguyên nhân điểm chưa cao là do UBND cấp xã chưa có cán bộ chuyên trách CNTT, các cán bộ, công chức gặp khó khăn khi sử dụng máy tính phục vụ công việc chuyên môn (sử dụng các phần mềm trong điều hành, chỉ đạo), ít được tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT phục vụ xử lý công việc. Nhiều trường tiểu học trên địa bàn một số huyện không đưa vào giảng dạy môn tin học cho học sinh bởi đây là một trong các môn học tự chọn nên phụ thuộc vào sự lựa chọn của học sinh.

## 3. Tiêu chí về môi trường chính sách (*điểm trung bình: 6/8 điểm*)

### a) Kết quả đạt được:

Các chính sách, quy định trong ứng dụng CNTT tại UBND cấp huyện đã được ban hành như: kế hoạch ứng dụng CNTT từng năm, từng giai đoạn; thành lập Ban biên tập cổng thông tin điện tử và ban hành Quy chế hoạt động trong việc cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử; thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT. Trong nội bộ các huyện cũng đã chủ động ban hành văn bản quy định về tổ chức ứng dụng các hệ thống thông tin và bảo đảm an toàn an ninh thông tin nội bộ, các quy định về gửi nhận văn bản điện tử, quy định ứng dụng chữ ký số, ban hành các văn bản chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, quán triệt văn bản Trung ương và của tỉnh về chính sách và thành quả ứng dụng, phát triển CNTT.

### b) Hạn chế:

Kinh phí chi hàng năm cho ứng dụng CNTT còn thấp; ban biên tập cổng thông tin điện tử của một số đơn vị hoạt động còn chưa hiệu quả; việc lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT chưa đạt kết quả cao.

## **II. Đánh giá kết quả Chính quyền điện tử**

### **1. Tiêu chí về mức độ hiện diện (điểm trung bình: 22/40 điểm)**

#### **a) Kết quả đạt được:**

Cổng thông tin điện tử của UBND các huyện đã đăng tải những thông tin cơ bản về lịch sử, điều kiện tự nhiên của địa phương, về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức, đơn vị trực thuộc, thông tin về lãnh đạo, thông tin về giao dịch chính thức của đơn vị. Các thông tin về tuyên truyền, chỉ đạo điều hành, quy hoạch, chiến lược, dịch vụ công trực tuyến đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử. Một số đơn vị đã xây dựng các chuyên mục cơ bản theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP như UBND các huyện: Văn Lâm, Tiên Lữ, thành phố Hưng Yên.

#### **b) Hạn chế:**

Cổng thông tin điện tử của các huyện còn chưa tạo lập đầy đủ các chuyên mục như: Chỉ đạo điều hành, Quy hoạch, Văn bản QPPL, Thông tin dự án, Đề tài khoa học, Thống kê, báo cáo. Các tin bài của các chuyên mục khác nhau đăng trên một chuyên mục chung dẫn đến khó khăn cho người truy cập, số lượng các tin bài được đăng trên cổng thông tin điện tử còn hạn chế và không thường xuyên. Các đơn vị còn hạn chế về tiêu chí này gồm có UBND các huyện: Mỹ Hào, Ân Thi, Kim Động, Văn Giang.

### **2. Tiêu chí về mức độ tương tác (điểm trung bình: 23/35 điểm)**

#### **a) Kết quả đạt được:**

UBND cấp huyện, cấp xã, và các đơn vị trực thuộc đã sử dụng phần mềm QLVB&ĐH tập trung của tỉnh; các cán bộ, công chức đã được cấp tài khoản để sử dụng phần mềm QLVB&ĐH; UBND cấp huyện, cấp xã đã được cấp chữ ký số chuyên dùng để ký số văn bản điện tử; đa số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã đã được cấp hộp thư điện tử công vụ chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước; phần mềm một cửa điện tử được đưa vào sử dụng tại tất cả UBND cấp huyện, cấp xã và tỷ lệ số thủ tục hành chính được đưa vào áp dụng trên phần mềm ở UBND các cấp tương đối cao, được công khai trên mạng internet, tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, thụ lý và quản lý trên phần mềm một cửa điện tử tại UBND các cấp đạt kết quả cao; các phần mềm nội bộ cơ bản khác cũng đã được UBND cấp huyện, cấp xã đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ công việc khá hiệu quả.

#### **b) Hạn chế:**

Điểm số về các chỉ tiêu như sử dụng phần mềm QLVB&ĐH, phần mềm thư điện tử công vụ, ứng dụng chữ ký số trong việc gửi, nhận các văn bản điện tử của một số đơn vị còn hạn chế, nhất là với cấp xã, đa số mới chỉ số hóa các văn bản đi/đến, việc thực hiện gửi văn bản điện tử đến các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh còn ít. Các đơn vị còn hạn chế về tiêu chí này gồm UBND các huyện: Ân Thi, Mỹ Hào.

### 3. Tiêu chí về mức độ giao dịch (*điểm trung bình: 4/20 điểm*)

#### a) Các kết quả đạt được:

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử, phần mềm một cửa điện tử của các đơn vị thực hiện cơ bản rất tốt, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của các huyện đạt khoảng trên 40%, mức độ 4 đạt khoảng 15% so với tổng số thủ tục hành chính của cấp huyện đảm bảo được yêu cầu kế hoạch mà UBND tỉnh đề ra.

#### b) Hạn chế:

Một số các tiêu chí như tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ các xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến liên thông giữa các cấp của UBND cấp huyện, cấp xã hầu hết là không có điểm. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn hầu như không có (chỉ có huyện Văn Lâm có phát sinh hồ sơ trực tuyến, còn lại chủ yếu là người dân và doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp), tại cấp xã các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn chưa được áp dụng. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 chưa được xử lý liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã.

### 4. Tiêu chí về mức độ chuyển đổi (*điểm trung bình: 0/5 điểm*)

Mức độ chuyển đổi của UBND các huyện đều không có điểm, tiêu chí này chưa thực hiện được vì các ứng dụng phần mềm dùng chung chưa có cơ chế đăng nhập một lần, tỷ lệ hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 liên thông từ cấp xã lên cấp huyện, từ cấp huyện lên cấp tỉnh chưa thực hiện được.

*(Chi tiết đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử cấp huyện có trong Phụ lục 02 kèm theo)*

## **PHẦN III. ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ CẤP XÃ**

### **I. Đánh giá điều kiện sẵn sàng Chính quyền điện tử (*điểm trung bình: đạt khoảng 23 /30 điểm*)**

#### 1. Kết quả đạt được

Hạ tầng CNTT của UBND cấp xã bao gồm hệ thống mạng nội bộ (LAN), các thiết bị bảo mật, số lượng máy tính, hệ thống trang thiết bị phần cứng và phần mềm tại bộ phận một cửa điện tử đã đảm bảo điều kiện sẵn sàng Chính quyền điện tử. Hệ thống mạng LAN của các xã được kết nối internet phục vụ tìm kiếm thông tin, hỗ trợ công việc cho cán bộ, công chức.

#### 2. Hạn chế

Hầu hết tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh không bố trí được cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT; chưa ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm...

### **II. Đánh giá kết quả Chính quyền điện tử đạt được (*điểm trung bình: đạt khoảng 20/60 điểm*)**

#### 1. Kết quả đạt được

- 100% UBND cấp xã đã được trang bị và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) của tỉnh; 100% UBND cấp xã đã được cấp chữ ký số chuyên dùng để ký số trên văn bản điện tử; 95% cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử công vụ; trang thiết bị CNTT và phần mềm một cửa điện tử tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa được đưa vào sử dụng tại 100% UBND cấp xã; tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, quản lý trên phần mềm một cửa tại đa số UBND cấp xã tương đối cao.

- UBND cấp xã cũng đã cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm một cửa điện tử cơ bản rất tốt nhưng mới chỉ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2.

## 2. Hạn chế

- Công thông tin điện tử của UBND cấp xã chưa có; sử dụng phần mềm QLVB&ĐH, phần mềm thư điện tử công vụ, ứng dụng chữ ký số trong việc gửi, nhận các văn bản điện tử của cấp xã còn hạn chế.

- Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến liên thông giữa các cấp của UBND cấp xã đều thấp. Nguyên nhân là UBND cấp xã không cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và cũng chưa liên thông cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa các cấp.

- Việc đánh giá mức độ chuyên đổi của UBND các xã đều không đạt, tiêu chí này chưa thực hiện được vì các phần mềm ứng dụng dùng chung chưa có cơ chế đăng nhập một lần, tỷ lệ hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 liên thông từ cấp xã lên cấp huyện, cấp tỉnh.

## III. Nhận xét chung

Nhìn chung điểm số đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử cấp xã còn thấp, hầu hết các UBND cấp xã xếp loại yếu về Chính quyền điện tử. Tổng thể cấp xã mới chỉ đạt được tiêu chí về cơ sở hạ tầng thông tin, còn các tiêu chí khác một phần là cấp xã chưa được ứng dụng, một phần là cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế sử dụng các ứng dụng CNTT phục vụ công việc.

*(gửi kèm bản tổng hợp của UBND cấp huyện đánh giá về UBND cấp xã trực thuộc)*

## IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### 1. Đối với các sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã

- Đề nâng cao mức độ xếp hạng Chính quyền điện tử, đề nghị các cơ quan, đơn vị tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình, cụ thể: Thường xuyên sử dụng phần mềm QLVB&ĐH trong giải quyết công việc, tăng cường ứng dụng chữ ký số trong việc ký và gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng.

- Hoàn thiện hệ thống, cơ chế chính sách, quy định và văn bản chi đạo điều hành trong việc ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan, đơn vị và của ngành, lĩnh vực trong phạm vi quản lý.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT, viễn thông phục vụ triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp; đầu tư, nâng cấp công thông tin điện tử của tỉnh và các công thông tin điện tử thành phần để đảm bảo có đủ các tính năng theo yêu cầu và các chuyên mục cơ bản trong việc cung cấp thông tin đến người dân, doanh nghiệp một cách hiệu quả hơn nữa.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp biết sử dụng các dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến khi đến nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến qua mạng.

- Tăng cường công tác tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng CNTT trong xử lý công cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Đối với UBND tỉnh

- UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các cơ quan cung cấp đầy đủ thông tin trên trang/công thông tin điện tử của đơn vị; xây dựng đầy đủ các chuyên mục thông tin cơ bản theo quy định để người sử dụng có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, tăng cường tính công khai minh bạch của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường giải quyết các thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Bố trí kinh phí cho triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin đã được phê duyệt theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm.


- Chỉ đạo ngành giáo dục đẩy mạnh công tác đào tạo tin học trong các nhà trường, để tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong toàn xã hội.

Trên đây là báo cáo đánh giá chính quyền điện tử các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh./

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc; PGĐ Sở <sup>đ/c Quang</sup>;
- Lưu VT, CNTT.

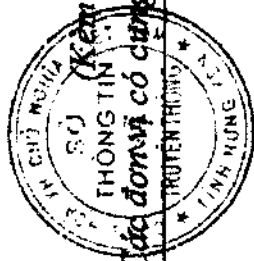
GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Sỹ

Phụ lục 01

Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp sở, ngành  
theo Báo cáo số H/BC-STTT ngày 01/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông



1. Các đơn vị có dạng cấp dịch vụ công trực tuyến (Tổng điểm 500)

TT	Tên đơn vị	Hệ tầng kỹ thuật CNTT (50đ)	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (100đ)	Trang/Cổng thông tin điện tử (100đ)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (100 đ)	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng UDCNTT(100 đ)	Nhân lực cho ứng dụng CNTT (100đ)	Tổng điểm (500)	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	69,5	60	97,8	90	50	417,30	83,46	Khá
2	Sở Giao thông vận tải	48	81	64	92	75	30	390	78	Khá
3	Sở Thông tin truyền thông	50	78	82,5	40	88	50	388,50	77,7	Khá
4	Ban Quản lý các khu Công nghiệp	40	85,5	79	40	90	50	384,50	76,9	Khá
5	Sở Tài Chính	50	79,14	86,75	0	100	50	365,89	73,178	Khá
6	Sở Y Tế	42	60	72	50	90	50	364	72,8	Khá
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	90	66,5	0	100	50	353,5	70,7	Khá
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	43	83,5	76,5	40	65	45	353	70,6	Khá
9	Sở Tư pháp	50	95	80,5	0	79,5	45	350	70	Khá
10	Sở Nội vụ	50	65	85	0	100	50	350	70	Khá
11	Sở Công Thương	48	84	93	0	90	35	350	70	Khá
12	Sở Xây dựng	45	60	81,75	0	90	35	311,75	62,35	TB
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	50	71,5	81	0	50	50	302,5	60,5	TB
14	Sở Lao động, TB&XH	42	61,8	78,5	0	60	35	277,3	55,46	TB
15	Sở Khoa học và Công nghệ	47	68,5	72,5	0	29	35	252	50,4	TB
16	Sở Văn hóa, TT&DL	35	36	56,5	20	68	35	250,5	50,1	TB
17	Thanh tra tỉnh	50	39,2	81	0	30	50	250,2	50,04	TB
Điểm trung bình		46,294	71,038	81,063	23,738	80,90625	46,56	349,601	69,92	

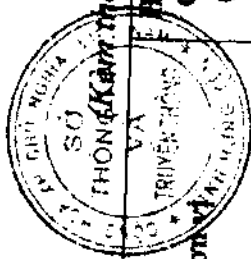


2. Các đơn vị đặc thù không cung cấp dịch vụ công trực tuyến (tổng điểm 400)

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT (50đ)	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (100đ)	Trang/Cổng thông tin điện tử (100đ)	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng UDCNTT(100 đ)	Nhân lực cho ứng dụng CNTT (100đ)	Tổng điểm	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Văn Phòng UBND tỉnh	50	82	79	90	50	351	87,75	Khá
2	Công an tỉnh	46,5	70,5	81	95	42	335	83,75	Khá
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	34,5	51	57	72	38	252,5	63,13	TB
4	Ban Quản lý khu Đại học Phó hiến	40	87,9	42,25	60	20	250,15	62,5	TB

Phụ lục 02

Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp huyện  
theo Báo cáo số 11/BC-STTTT ngày 19/1/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông



TT	Tên đơn vị	Chỉ số tăng CNTT (30đ)	Nhân lực CNTT (12đ)	Môi trường chính sách (8đ)	Mức độ hiện diện (40đ)	Mức độ tương tác (35đ)	Mức độ giao dịch (20đ)	Mức độ chuyển đổi (5đ)	Tổng điểm (150)	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	UBND Tp Hưng Yên	26,4	11	6	32	27,8	3,22	0	106,42	70,95	Khá
2	UBND huyện Văn Lâm	25	9,3	6,5	31	27	5,9	0,3	105,00	70	Khá
3	UBND huyện Tiên Lữ	25,5	7,6	6,5	33	24,5	4,72	0	101,82	67,88	Trung bình
4	UBND huyện Yên Mỹ	25,8	7,9	6	22	25,9	3,25	0	90,85	60,57	Trung bình
5	UBND huyện Phù Cù	23,7	6,74	6	22	21,2	2,83	0	82,47	54,98	Trung bình
6	UBND huyện Văn Giang	25,5	7,2	5	15	24,35	3,55	1	81,60	54,4	Trung bình
7	UBND huyện Khoái Châu	25,7	7,5	6	21,2	17,39	2,8	0	80,59	53,73	Trung bình
8	UBND huyện Mỹ Hào	25,73	6,75	5,5	14	23,7	3,72	0	79,40	52,93	Trung bình
9	UBND huyện Ân Thi	25,5	6,8	6,5	16,5	18,7	5	0	79,00	52,67	Trung bình
10	UBND huyện Kim Động	24	7	6,5	17	18,9	3,55	0	76,95	51,3	Trung bình
	Điểm trung bình	25,283	7,779	6,05	22,37	22,944	3,854	0,13	88,41	58,94	